

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG MINH KHAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1212/UBND-LĐT BXH  
V/v Tuyên truyền thực hiện các chính sách  
theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày  
15/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị  
Quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang

Phường Minh Khai, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Kính gửi: Các Ông (bà) tổ trưởng 22 tổ dân phố

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 13/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng Bảo trợ xã hội;

Căn cứ Hướng dẫn 1617/HD-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh Hà Giang, hướng dẫn thực hiện chính sách trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị Quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang;

UBND phường Minh Khai đề nghị, các ông, bà tổ trưởng tổ dân phố, phối hợp tuyên truyền một số chính sách cụ thể như sau:

**I. Chính sách theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, quy định một số chính sách trợ giúp nổi bật cụ thể như sau:**

**1. Về chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên**

Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội hàng tháng áp dụng từ ngày 01/07/2021 là 360.000đ/tháng.

Theo quy định tại điều 5, nghị định 20/2021/NĐ-CP, quy định các đối tượng sau đây được hưởng chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng:

“1. Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- b) Mồ côi cả cha và mẹ;
- c) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;
- d) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;
- đ) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- e) Cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;

g) Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;

h) Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

i) Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;

k) Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

l) Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Người thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng mà đủ 16 tuổi nhưng đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất thì tiếp tục được hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi.

3. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo.

4. Người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có chồng hoặc chưa có vợ; đã có chồng hoặc vợ nhưng đã chết hoặc mất tích theo quy định của pháp luật và đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc đang nuôi con từ 16 đến 22 tuổi và người con đó đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất quy định tại khoản 2 Điều này (sau đây gọi chung là người đơn thân nghèo đang nuôi con).

5. Người cao tuổi thuộc một trong các trường hợp quy định sau đây:

a) Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng;

b) Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc diện quy định ở điểm a khoản này đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn;

c) Người từ đủ 80 tuổi trở lên không thuộc diện quy định tại điểm a khoản này mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng;

d) Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội nhưng có người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc tại cộng đồng.

6. Người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định pháp luật về người khuyết tật.

7. Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc đối tượng quy định tại các khoản 1, 3 và 6 Điều này đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn.

8. Người nhiễm HIV/AIDS thuộc diện hộ nghèo không có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng như tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng.”

## **2. Về chính sách trợ giúp xã hội khẩn cấp**

**Theo quy định tại điều 13, Chương III, Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định, chính sách hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng như sau:**

“1. Người bị thương nặng do thiên tai, hỏa hoạn; tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc do các lý do bất khả kháng khác tại nơi cư trú được xem xét hỗ trợ với mức tối thiểu bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

2. Trường hợp người bị thương nặng ngoài nơi cư trú quy định tại khoản 1 Điều này mà không có người thân thích chăm sóc thì cơ quan, tổ chức trực tiếp cấp cứu, chữa trị có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cấp cứu, chữa trị cho đối tượng quyết định hỗ trợ theo mức quy định tại khoản 1 Điều này.”

**Theo quy định tại điều 14, Chương III, Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định, chính sách hỗ trợ chi phí mai táng được thực hiện như sau:**

“1. Hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh; tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí mai táng với mức tối thiểu bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức mai táng cho người chết quy định tại khoản 1 Điều này do không có người nhận trách nhiệm tổ chức mai táng thì được xem xét, hỗ trợ chi phí mai táng theo chi phí thực tế, tối thiểu bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này.”

**Theo quy định tại điều 15, Chương III, Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định, chính sách hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở được quy định như sau:**

“1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức tối thiểu 40.000.000 đồng/hộ.

2. Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức tối thiểu 30.000.000 đồng/hộ.

3. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức tối thiểu 20.000.000 đồng/hộ.”

**II. Về chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND, ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang, quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội; đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh Hà Giang được hưởng chính sách trợ giúp xã hội**

**1. Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang, là 380.000đ/tháng.**

**2. Quy định đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Hà Giang, chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, cụ thể như sau:**

*“1. Đối tượng:*

*a) Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

*- Mẹ cô cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng;*

*- Cả cha và mẹ đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng;*

*- Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng;*

*- Cha hoặc mẹ đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.*

*b) Người thuộc diện quy định tại điểm a, khoản 1, điều này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng mà đủ 16 tuổi nhưng đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất thì tiếp tục được hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi.*

*c) Người cao tuổi từ đủ 75 đến 80 thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc diện quy định tại điểm a khoản 5, điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP đang sống tại địa bàn không thuộc xã, thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn.*

d) Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đang sống tại địa bàn không thuộc xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn.”

**3. Chính sách trợ giúp xã hội:** Các đối tượng quy định tại khoản 1 điều này được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội là 380.000đ/tháng nhân với hệ số 1.0.

Căn cứ các nội dung trên, UBND phường Minh Khai đề nghị, các ông, bà tổ trưởng tổ dân phố tổ chức triển khai, tuyên truyền đến mọi người dân trên địa bàn tổ biết về các chính sách quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND. Đồng thời chủ động rà soát, phát hiện các trường hợp thuộc đối tượng quy định nêu trên để hướng dẫn đối tượng làm hồ sơ đề nghị hưởng chính sách theo quy định./.

*Nơi nhận:*

- Như kính gửi;
- Lưu: VP, LĐTBXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiên Linh